

Số : 154/QĐ-UBND

Yên Thành, ngày 12 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Yên Thành về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của huyện Yên Thành (theo các biểu đính kèm).

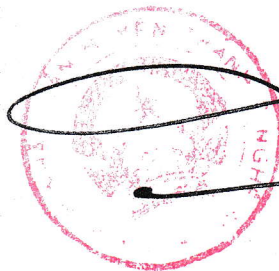
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị, các ngành liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tài Chính;
- Các đoàn thể cấp huyện
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện (Trung tâm VHTTTT đăng tải);
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Văn Tuyên

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ghi chú
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	1.628.800	
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	145.310	
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	54.670	
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	90.640	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.483.490	
-	Thu bổ sung cân đối	939.394	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	544.096	
III	Thu kết dư		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.628.800	
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	1.084.704	
1	Chi đầu tư phát triển	109.757	
2	Chi thường xuyên	697.034	
3	Dự phòng ngân sách	14.721	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
6	Trợ cấp ngân sách xã	263.192	
II	Chi các chương trình mục tiêu	544.096	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	544.096	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ghi chú
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN		
I	Nguồn thu ngân sách	1.628.800	
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	145.310	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.483.490	
-	Thu bổ sung cân đối	939.394	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	544.096	
II	Chi ngân sách	1.628.800	
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	821.512	
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	807.288	
-	Chi bổ sung cân đối	263.192	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	544.096	
B	NGÂN SÁCH XÃ		
I	Nguồn thu ngân sách	386.732	
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	123.540	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	263.192	
-	Thu bổ sung cân đối	263.192	
-	Thu bổ sung có mục tiêu		-
II	Chi ngân sách	386.732	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	392.100	145.310	
I	Thu nội địa	392.100	145.310	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý			
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	900		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	31.000	15.840	
-	Thuế GTGT doanh nghiệp	20.400	12.240	
-	Thuế GTGT cá thể	1.500		
-	Thuế TNDN	6.000	3.600	
-	Thuế tài nguyên	3.100	-	
-	Thuế TTĐB doanh nghiệp			
5	Thuế thu nhập cá nhân	10.400	9.700	
6	Lệ phí trước bạ	49.000	46.500	
7	Thu phí, lệ phí	4.200	1.670	
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	700	-	
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.400		
11	Thu tiền sử dụng đất	283.000	70.750	
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.300	650	
15	Thu khác ngân sách	6.000	200	
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	3.200	-	
II	Thu viện trợ			

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra		Ghi chú
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.752.340	1.365.608	386.732	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.208.244	821.512	386.732	
I	Chi đầu tư phát triển	286.301	109.757	176.544	
1	Chi đầu tư từ nguồn tiền đất	183.950	70.750	113.200	
2	Chi đầu tư phát triển khác	102.351	39.007	63.344	
II	Chi thường xuyên	901.859	697.034	204.825	
	Trong đó:	-			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	586.453	583.333	3.120	
2	Chi khoa học và công nghệ	-			
III	Dự phòng ngân sách	20.084	14.721	5.363	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	544.096	544.096		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	544.096	544.096		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.628.800	
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ	807.288	
1	Bổ sung cân đối	263.192	
2	Bổ sung có mục tiêu	544.096	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	821.512	
	<i>Trong đó:</i>		
I	Chi đầu tư phát triển	109.757	
1	Chi đầu tư từ nguồn tiền đất	70.750	
2	Chi đầu tư phát triển khác	39.007	
II	Chi thường xuyên	697.034	
	<i>Trong đó:</i>		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	591.639	
2	Chi khoa học và công nghệ		
3	Chi y tế, dân số và gia đình	34.363	
4	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao	5.764	
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		
6	Chi an ninh quốc phòng	2.630	
7	Chi các hoạt động kinh tế	18.366	
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	36.757	
9	Chi bảo đảm xã hội	5.365	
10	Chi khác ngân sách	2.150	
III	Dự phòng ngân sách	14.721	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		